

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG THÔNG QUA TÒA TRỌNG TÀI THÀNH LẬP THEO PHỤ LỤC VII CÔNG ƯỚC LUẬT BIỂN QUỐC TẾ NĂM 1982

NGUYỄN ĐĂNG NGHĨA*

Trong những năm gần đây, tình hình biển Đông đang có những diễn biến hết sức phức tạp với các cuộc xung đột leo thang, gây căng thẳng trong quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia. Bài viết làm rõ các quy định về giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII Công ước Luật biển quốc tế năm 1982 và thực tiễn giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua Tòa trọng tài này, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua cơ chế tài phán quốc tế trong thời gian tới.

Từ khóa: Tòa trọng tài, tranh chấp biển Đông.

Ngày nhận bài: 09/4/2021; Biên tập xong: 16/4/2021; Duyệt đăng: 20/4/2021.

Recently, the situation in the East Sea has been extremely complicated with escalating conflicts causing tension in diplomatic relations among nations. The article concentrates on clarifying the provisions related to the settlement of disputes in the East Sea by Arbitration Court provided for in Annex VII of the United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS) in 1982; the practice of settling disputes in the East Sea through Arbitration Court, thereby making some recommendations to improve the efficiency of resolving disputes in the East Sea by international arbitration mechanism in upcoming time.

Keywords: Arbitration Court, the East Sea disputes.

Công ước Luật biển quốc tế năm 1982, viết tắt là UNCLOS 1982 là văn kiện pháp lý quan trọng nhất trong luật biển, được ví như bản Hiến pháp đầu tiên về luật biển trên thế giới. UNCLOS 1982 bao gồm 320 điều, được chia thành 17 phần, 9 phụ lục; ngoài ra còn có 4 Nghị quyết kèm theo. Công ước quy định nhiều vấn đề quan trọng như các vùng biển trong luật biển quốc tế, vấn đề phân định biển, vấn đề bảo vệ môi trường biển..., đặc biệt là các vấn đề liên quan đến cơ chế tài phán giải quyết tranh chấp về biển, đảo.

Công ước đã dành 27/320 điều quy định trực tiếp về thủ tục giải quyết tranh chấp bên cạnh 4 phụ lục có liên quan đến thủ tục giải quyết các tranh chấp. Như vậy, UNCLOS 1982 đã tạo ra một hệ thống các quy định khá cụ thể về các biện pháp giải quyết tranh chấp trên biển phù hợp với nguyên tắc hoà bình giải quyết các tranh chấp quốc tế, tạo nhiều điều kiện thuận lợi để các quốc gia lựa chọn các biện pháp khác nhau và phù hợp với tình hình thực tiễn của quốc gia mình. Các biện pháp UNCLOS 1982 đưa ra gồm biện pháp ngoại giao và các biện pháp tài phán quốc tế. Bài viết tập trung phân tích việc áp dụng cơ chế Tòa trọng tài theo quy định tại phụ lục VII UNCLOS 1982 trong việc giải quyết các tranh

chấp trên biển Đông giữa các quốc gia trong khu vực hiện nay.

1. Về cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII Công ước Luật biển quốc tế năm 1982

Cơ quan tài phán quốc tế là những cơ quan hình thành trên cơ sở thỏa thuận hoặc thừa nhận của các chủ thể luật quốc tế nhằm thực hiện chức năng giải quyết bằng trình tự, thủ tục tư pháp các tranh chấp nảy sinh trong quá trình các chủ thể thực thi, tuân thủ luật quốc tế¹.

Giải quyết tranh chấp thông qua các cơ quan tài phán quốc tế là một trong các biện pháp hòa bình giải quyết tranh chấp quốc tế được quy định trong Điều 33 Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945. Về tổng thể, các cơ quan tài phán quốc tế tồn tại chủ yếu dưới ba dạng là Tòa án Quốc tế, Trọng tài Quốc tế và cơ quan tài phán được thành lập trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế. Tính chất của mỗi loại hình tài phán phụ thuộc vào quy chế, điều lệ

* *Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*

¹ *Giáo trình Luật quốc tế, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, tr. 411*

và chức năng đặc thù của từng loại, theo sự xác định và lựa chọn của chủ thể Luật Quốc tế. Cơ quan tài phán quốc tế có chức năng chính là giải quyết tranh chấp quốc tế, trong đó có các tranh chấp quốc tế về biển, đảo. Thông thường, các biện pháp này sẽ được áp dụng khi các nỗ lực giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán, thương lượng không thu được kết quả mà các bên mong muốn.

UNCLOS 1982 đã quy định chi tiết những nguyên tắc chung, những quy định cụ thể liên quan đến giải quyết các tranh chấp về biển trong “Phần XV. Giải quyết các tranh chấp” và những quy định trong các phụ lục cho mỗi phương thức giải quyết tranh chấp. Theo quy định tại Điều 287 UNCLOS 1982, khi ký kết hay phê chuẩn Công ước hoặc tham gia Công ước ở bất kỳ thời điểm nào, một quốc gia được quyền lựa chọn một hay nhiều biện pháp sau đây để giải quyết các tranh chấp có liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước:

- Tòa án quốc tế về Luật biển được thành lập theo đúng Phụ lục VII (ITLOS - International Tribunal for the Law of the Sea).

- Tòa án quốc tế (ICJ - International Court of Justice).

- Một Tòa trọng tài được thành lập theo phụ lục số VII, UNCLOS 1982.

- Một Tòa trọng tài được thành lập theo phụ lục VIII, UNCLOS 1982 để giải quyết một hay nhiều loại tranh chấp.

Như vậy, khi giải quyết tranh chấp biển đảo liên quan đến vấn đề giải thích và áp dụng UNCLOS 1982, các quốc gia có thể lựa chọn một hoặc kết hợp nhiều cơ chế tài phán trên. Trong đó, Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982 là Tòa trọng tài không thường trực, còn gọi là Hội đồng trọng tài. Đây là cơ chế tài phán quan trọng, có nhiều ưu thế hơn so với các cơ quan tài phán khác trong giải quyết tranh chấp biển Đông. Một số đặc trưng cơ bản của Tòa trọng tài được thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982 bao gồm thẩm quyền, thành phần, tính chất của bản án.

Về thẩm quyền, Điều 288 UNCLOS 1982 quy định Tòa trọng tài có thẩm quyền:

“1. Một tòa án đã nêu ở Điều 287 có thẩm quyền xét xử bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Công ước đã được đưa ra cho mình theo đúng phần này.

2. Một tòa án nói ở Điều 287 cũng có thẩm

quyền xét xử bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích hay áp dụng một điều ước quốc tế có liên quan đến các mục đích của Công ước và đã được đưa ra cho mình theo đúng điều ước này.

3. Viện giải quyết tranh chấp liên quan đến đáy biển được lập nên theo đúng phụ lục VI và bất kỳ viện nào khác, hay tòa trọng tài nào khác, đã nêu ở Mục 5 của Phần XI, đều có thẩm quyền xét xử mọi vấn đề đã được đưa ra cho mình theo đúng mục đó.

4. Trong trường hợp có sự tranh cãi về vấn đề một tòa án có thẩm quyền hay không, thì vấn đề này do tòa án đó quyết định”.

Bên cạnh quy định liên quan đến giới hạn về phạm vi xét xử như trên, thẩm quyền thụ lý vụ kiện là một yếu tố quan trọng giúp Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982 có được ưu thế hơn so với các cơ quan tài phán còn lại. Đối với cơ chế giải quyết thông qua Tòa án luật biển quốc tế, Tòa án quốc tế, Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VIII UNCLOS 1982, Tòa chỉ có thẩm quyền thụ lý vụ kiện khi các bên tranh chấp đều chấp thuận đưa vụ kiện ra tòa. Trong trường hợp một bên trong số các bên tranh chấp không chấp thuận đưa vụ kiện ra tòa thì tòa không có thẩm quyền. Tuy nhiên, đối với Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII, tòa có thẩm quyền thụ lý ngay cả trong trường hợp chỉ có một bên tranh chấp gửi đơn kiện ra tòa. Khoản 5 Điều 287 UNCLOS 1982 quy định: “Nếu các bên tranh chấp không chấp nhận cùng một thủ tục để giải quyết tranh chấp, thì vụ tranh chấp đó chỉ có thể được đưa ra giải quyết theo thủ tục trọng tài đã được trừ định ở Phụ lục VII, trừ khi các bên có thỏa thuận khác”; Điều 1 Phụ lục VII UNCLOS 1982 quy định: “Với điều kiện phải tuân thủ Phần XV, bất kỳ bên nào trong một vụ tranh chấp đều có thể đưa vụ tranh chấp ra giải quyết bằng thủ tục trọng tài đã trừ định trong Phụ lục này bằng một thông báo viết gửi tới bên kia hoặc các bên kia trong vụ tranh chấp. Thông báo có kèm theo bản trình bày các yêu sách và các lý do làm căn cứ cho các yêu sách đó”. Đây cũng là yếu tố quyết định mà Phillippines đã lựa chọn cơ chế tài phán này trong vụ kiện với Trung Quốc được phân tích trong phần sau.

Về thành phần, Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982 bao gồm các trọng tài viên được các quốc gia thành viên chỉ định. Mỗi quốc gia thành viên có quyền chỉ định bốn trọng tài viên là những người có năng lực, kinh nghiệm về Luật biển và nổi tiếng

về sự công bằng, liêm chính. Dựa trên sự đề cử này, Tổng thư ký Liên hợp quốc có trách nhiệm lập một danh sách các trọng tài viên. Khi có tranh chấp phát sinh, từ danh sách các trọng tài viên của Tổng thư ký Liên hợp quốc, một Hội đồng trọng tài sẽ được thành lập bao gồm năm thành viên. Mỗi bên tranh chấp có quyền chỉ định một thành viên tham gia Hội đồng trọng tài. Ba thành viên còn lại được các bên thỏa thuận cử ra và chủ tịch Hội đồng trọng tài sẽ được lựa chọn trong số ba thành viên đó².

Về tính chất của bản án, phán quyết của Tòa trọng tài được thông qua theo nguyên tắc đa số. Sự vắng mặt hoặc bỏ phiếu trắng của dưới một nửa số thành viên không cản trở Tòa ra quyết định. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau, lá phiếu của Chánh toà là lá phiếu quyết định. Phán quyết này là chung thẩm và không được kháng cáo, trừ khi các bên có thỏa thuận khác³.

2. Thực tiễn giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII Công ước Luật biển quốc tế năm 1982

Đối với thực tiễn giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982, vụ kiện Philippines với Trung Quốc năm 2013 là vụ việc đầu tiên các quốc gia sử dụng đến cơ chế này để giải quyết tranh chấp. Hiện nay, có nhiều thông tin cho rằng Tòa trọng tài thường trực (PCA) là cơ quan xét xử vụ Philippines kiện Trung Quốc năm 2013 về vấn đề biển Đông. Tuy nhiên, trên thực tế, Tòa trực tiếp giải quyết tranh chấp vụ kiện biển Đông do Philippines khởi xướng là Tòa Trọng tài thành lập theo Phụ lục VII UNCLOS 1982 như đã phân tích ở trên.

Tòa trọng tài thường trực (PCA) thành lập năm 1899 tại La Haye, Hà Lan trên cơ sở Công ước La Haye 1899 và Công ước 1907 về “Giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế”. PCA không phải là một tổ chức tồn tại thường trực dù tên gọi là Tòa trọng tài thường trực. Các quy định của Công ước La Haye 1899 cũng như Công ước La Haye 1907 đều cho thấy, PCA dù có tên gọi là một tổ chức thường trực nhưng thực tế chỉ là một danh sách các cá nhân có khả năng xét xử một cách công bằng

trên cơ sở luật pháp, công lý và được các quốc gia tiến cử⁴.

Khi tiến hành xét xử một vụ kiện, PCA sẽ trao quyền phán xử cho một Hội đồng trọng tài (còn được gọi là Tòa Trọng tài) về các tranh chấp nằm trong thẩm quyền giải quyết của PCA. Việc chọn lựa luật áp dụng cho Phán quyết Trọng tài sẽ do các bên tự thỏa thuận. Trong trường hợp không có thỏa thuận lựa chọn, Hội đồng trọng tài sẽ quyết định lựa chọn luật áp dụng dựa trên các nguyên tắc chung của luật quốc tế về chọn lựa luật áp dụng cho giải quyết tranh chấp⁵.

Trong vụ kiện Philippines và Trung Quốc năm 2013, Tòa trọng tài thường trực (PCA) đã trao quyền phán xử cho Tòa trọng tài Luật biển được thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982. Như vậy, trong vụ kiện của Philippines về vấn đề biển Đông, PCA không có chức năng xét xử vụ kiện này mà chỉ đóng vai trò là thư ký của vụ kiện (thu thập thông tin, đưa ra các thông báo, thay mặt Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII UNCLOS 1982 đưa ra phán quyết...). Theo quy định tại Điều 3 Phụ lục VII của Công ước, Tòa trọng tài gồm có 5 Trọng tài viên là những Thẩm phán, bao gồm 02 Trọng tài được mỗi bên tranh chấp lựa chọn khi bắt đầu tiến trình vụ kiện.

Đối với các hình thức tài phán như Tòa án Công lý quốc tế (International Court Justice – ICJ), Tòa án Quốc tế về Luật Biển (International Tribunal for the Law of the Sea – ITLOS), điều kiện khởi kiện đòi hỏi cần phải có sự đồng thuận của cả 2 bên tranh chấp. Trong vụ việc này, Philippines không khởi kiện thông qua 2 hình thức này bởi phía Trung Quốc không đồng ý tham gia vụ kiện. Chính vì vậy, Philippines đã sử dụng hình thức Tòa trọng tài được thành lập theo phụ lục VII của UNCLOS 1982 bởi theo quy định tại Khoản 5 Điều 287 UNCLOS 1982, hình thức tài phán này không đòi hỏi sự đồng thuận của cả 2 bên tham gia tranh chấp. Với hình thức này, Philippines có thể kiện Trung Quốc ngay cả khi Trung Quốc

⁴ Bành Quốc Tuấn, “Tòa trọng tài thường trực La Haye và vấn đề giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển Đông của Việt Nam”, Tạp chí phát triển KH&CN, tập 16, số Q1- 2013, tr. 52

⁵ TS. Nguyễn Công Trục, “Tìm hiểu vụ Philippines kiện Trung Quốc và Phán quyết của PCA”, <https://vov.vn/the-gioi/ho-so/tim-hieu-vu-philippines-kien-trung-quoc-va-phan-quyet-cua-pca-531292.vov>

² Xem Điều 3, Phụ lục VII, UNCLOS 1982

³ Xem Điều 8, Điều 11, Phụ lục VII UNCLOS 1982

không chấp nhận tham gia vụ kiện.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên về phạm vi xét xử của Tòa trọng tài, Tòa chỉ có thẩm quyền xét xử về những nội dung liên quan đến việc giải thích và áp dụng UNCLOS 1982. Do vậy, việc lựa chọn nội dung khởi kiện là một vấn đề hết sức quan trọng. Philippines đã đệ trình đơn kiện gửi tới Tòa trọng tài thường trực PCA gồm 13 điểm (đơn gửi tháng 01/2013) và bổ sung 2 điểm (tháng 7/2015). Theo đó, nội dung đơn kiện gồm 3 nhóm yêu cầu chính: (1) Yêu cầu PCA tuyên bố tính chất vô hiệu của tuyên bố chủ cái gọi là “đường lưôi bò” quyền lịch sử của Trung Quốc đối với biển đảo, đáy biển và dưới đáy biển trong biển Đông vượt ra ngoài phạm vi thuộc chủ quyền và quyền Trung Quốc theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982; (2) Quy chế pháp lý của một số thực thể đảo, đá bãi cạn nửa nổi nửa chìm trong quần đảo Trường Sa; (3) Các hành vi của Trung Quốc mà Philippines cho là không phù hợp với Công ước Luật biển quốc tế năm 1982 làm tổn hại đến các quyền hợp pháp của Philippines và môi trường biển.⁶

Trong phán quyết mà Tòa PCA đưa ra ngày 12/7/2016 bao gồm 501 trang đã xác định rõ những nội dung chính sau đây:

Thứ nhất, tòa tuyên bố “Đường chín đoạn - nine dashes lines” mà Trung Quốc tuyên bố là vô lý và bất hợp pháp.

Thứ hai, về quy chế pháp lý của các thực thể (Features) trong quần đảo Trường Sa và bãi cạn Scarborough, Tòa đã đồng ý và cho rằng các thực thể gồm: Bãi Gạc Ma (Johnson South Reef), Châu Viên (Cuateron Reef), Đảo Chữ Thập (Fiery Cross) và Scarborough là các thực thể nổi. Các thực thể gồm: Xubi, Tư nghĩa (Hughes Reef); Bãi Vành Khăn (Mishief Reef) và Bãi Cỏ Mây (Second Thomas Reef) là các thực thể nửa nổi nửa chìm (Features as above/below water at high tide). Tòa đã giải thích chi tiết Khoản 3 Điều 121 UNCLOS 1982 và kết luận rằng các quyền được hưởng vùng biển của một thực thể phụ thuộc vào: a) Năng lực khách quan của thực thể; b) Trong điều kiện tự nhiên thực thể đó được duy trì hoặc; c) Một cộng đồng dân cư ổn định; hoặc d) Một hoạt động

kinh tế mà không phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên bên ngoài và cũng không phụ thuộc vào hoạt động khai thác thuần túy. Việc các nhân viên công vụ sống và làm việc trên các thực thể, hay xây dựng và cải tạo mới không làm thay đổi quy chế pháp lý ban đầu của các thực thể.

Trên cơ sở lập luận này, Tòa đã áp dụng nguyên tắc tương tự và tuyên bố không có thực thể nào tại Trường Sa có khả năng duy trì đời sống kinh tế riêng cho con người trên đó. Do đó, các thực thể hay các đảo thuộc quần đảo Trường Sa không có vùng đặc quyền kinh tế hay vùng thềm lục địa riêng. Đồng thời, Tòa cũng nhấn mạnh trong phán quyết rằng: UNCLOS 1982 không quy định việc một nhóm các đảo như quần đảo Trường Sa sẽ có các vùng biển với tư cách là một thực thể thống nhất. Tuyên bố này của Tòa vô cùng có ý nghĩa bởi đã ngăn chặn ý đồ bành trướng của Trung Quốc trong việc toan tính sẽ thiết lập các đường cơ sở thẳng cho quần đảo Trường Sa như đối với các quốc gia quần đảo.

Thứ ba, Tòa đã ra phán quyết về những hành vi bất hợp pháp của Trung Quốc trong việc thực hiện quyền khai thác, cải tạo các bãi đá, các đảo và cản trở Philippines thực hiện các quyền hợp pháp trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines.

Theo nội dung phán quyết của Tòa, phần thắng nghiêng về phía Philippines. Dư luận quốc tế đã lên tiếng và ủng hộ tính công lý của phán quyết do Tòa đưa ra ngày 12/7/2016. Vụ kiện Trung Quốc của Philippines là một bài học quý giá cho Việt Nam trong công cuộc đấu tranh dựa trên nền tảng tôn trọng luật pháp quốc tế để đáp trả các hành động ngày càng “leo thang” xâm phạm trực tiếp vùng biển chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam.

3. Một số khó khăn trong việc giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua cơ chế Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII Công ước Luật biển quốc tế năm 1982

Có thể nói, UNCLOS 1982 là một bước tiến quan trọng của luật biển quốc tế trong điều chỉnh quan hệ phân định, sử dụng, bảo tồn biển và đại dương. Tuy nhiên, UNCLOS 1982 không phải là một chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi quan hệ về biển, đảo giữa các quốc gia, bởi lẽ:

Thứ nhất, mặc dù UNCLOS 1982 đã có một phần riêng (Phần XV - Giải quyết tranh chấp)

⁶ Xem thêm: Nguyễn Hồng Thao, *Những khía cạnh pháp lý trong phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ Philippines kiện Trung Quốc ở biển Đông*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 7/2016, tr 19-25.

và các Phụ lục (gồm Phụ lục V, VI, VII, VIII) quy định chi tiết về giải quyết tranh chấp biển nhưng Điều 298 Công ước đã quy định những ngoại lệ không bắt buộc được áp dụng trong Mục 2, Phần XV của Công ước. Trung Quốc là một quốc gia tham gia các tranh chấp ở biển Đông đã đưa ra các bảo lưu theo Điều 298 để từ chối tham gia các phương thức giải quyết đã nêu ra trong UNCLOS 1982. Đây là một trong những rào cản cho các quốc gia thành viên khi áp dụng Công ước trong thực tiễn.

Thứ hai, mặc dù UNCLOS 1982 quy định các quốc gia tranh chấp có thể đơn phương đưa vụ kiện ra Tòa mà không cần sự đồng ý của tất cả các bên tranh chấp nhưng cơ chế này bị giới hạn bởi hai yếu tố: Về phạm vi khởi kiện và về cơ chế thực thi phán quyết của tòa. Tòa chỉ có thẩm quyền giải quyết đối với những nội dung liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công ước. Hơn nữa, cơ chế thực thi các phán quyết của Tòa trọng tài vẫn dựa vào nguyên tắc các quốc gia tự nguyện thực hiện các cam kết quốc tế. Điển hình, phán quyết của Tòa trọng tài ngày 12/7/2016 đã tuyên đường lưỡi bò (đường chín đoạn) ở biển Đông của Trung Quốc là không hợp pháp và Trung Quốc đã vi phạm những nghĩa vụ khác theo UNCLOS 1982. Tuy nhiên, Trung Quốc đã bất chấp luật pháp quốc tế và đưa ra tuyên bố không chấp nhận thẩm quyền và phán quyết của Tòa trọng tài. Điều này thực sự là một cản trở lớn cho việc vận dụng các phương thức giải quyết tranh chấp biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

Thứ ba, UNCLOS 1982 vẫn còn nhiều quy định cần phải được giải thích và làm rõ để tạo ra cách hiểu thống nhất giữa các quốc gia. Ví dụ, khái niệm về đảo, đá trên biển theo Điều 121 UNCLOS 1982, các quy định liên quan đến xác định đường cơ sở thẳng...

Thứ tư, việc sử dụng đến biện pháp khởi kiện ra Tòa trọng tài quốc tế tuy là biện pháp hòa bình theo quy định của Luật quốc tế nhưng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia có liên quan. Bởi lẽ thực tế, ngay cả khi con đường pháp lý mang tính hòa bình và phụ thuộc vào sự chấp thuận của cả hai bên, song bên bị kiện vẫn coi hành động này là mang tính thù địch, do đó có nguy cơ hủy hoại quan hệ ngoại giao giữa các nước. Đơn cử là Philippines đã hứng chịu việc Trung Quốc áp đặt các lệnh cấm nhập khẩu hàng nông sản từ Philippines.

Thứ năm, việc giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua cơ chế trọng tài sẽ không thể giải quyết được triệt để tranh chấp nếu không có sự thiện chí của những quốc gia có liên quan. Thực tế cho thấy Việt Nam luôn thể hiện lập trường hòa bình trong giải quyết các tranh chấp biển đảo. Tuy nhiên, có những nước trong khu vực đã sử dụng vũ lực trong giải quyết các tranh chấp ở biển Đông. Đặc biệt, Trung Quốc đã sử dụng vũ lực để chiếm quần đảo Hoàng Sa của nước ta năm 1974 và để chiếm đóng một số đảo và bãi cạn thuộc quần đảo Trường Sa. Hiện nay, đất nước này đang tiến hành cải tạo các thực thể thuộc quần đảo Trường Sa, xây dựng sân bay quân sự tại đá Chữ thập, Gạc Ma. Đây là những hành động quân sự đơn phương gây tiềm ẩn đến an ninh trong khu vực biển Đông.

4. Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp biển Đông thông qua cơ chế tài phán quốc tế trong thời gian tới

- *Thứ nhất*, Liên hợp quốc cần xây dựng văn bản hướng dẫn, giải thích một số quy định trong UNCLOS 1982

UNCLOS 1982 có hiệu lực từ năm 1994 là thành tựu rất lớn của nhân loại trong việc điều chỉnh các vấn đề pháp lý liên quan đến biển, đảo nhưng vẫn còn có nhiều điểm quy định chưa rõ ràng. Chính vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung thêm các quy định giải thích rõ các Điều 121 quy định về đảo, đá; các quy định liên quan đến cách thức, các điều kiện xác định đường cơ sở theo phương pháp đường cơ sở thẳng; các quy định liên quan đến việc đảm bảo cơ chế thi hành các phán quyết của Tòa được thực thi hiệu quả trên thực tế...

- *Thứ hai*, cần nghiên cứu học hỏi kinh nghiệm của Philippines trong việc lựa chọn cơ quan tài phán, chuẩn bị điều kiện khởi kiện và tham gia vụ kiện

Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan về giới hạn thẩm quyền, trình tự, thủ tục, giới hạn về phạm vi của Tòa trọng tài thành lập theo phụ lục VII Công ước Luật biển quốc tế 1982 nói riêng và các cơ quan tài phán nói chung để có phương án lựa chọn phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế, đặt ra nhiều tình huống khác nhau để có sự tính toán phù hợp. Chúng ta cũng cần chuẩn bị đầy đủ các điều kiện như thu thập, củng cố hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ kiện, đặc biệt là chuẩn bị nguồn nhân lực có đủ trình độ pháp lý quốc tế để tham gia vụ kiện.

- Thứ ba, việc sử dụng biện pháp pháp lý cần thực hiện trong mối quan hệ tổng hợp với các biện pháp khác

Một là, các quốc gia có liên quan cần tiếp tục đẩy nhanh lộ trình, sớm ký kết Bộ quy tắc ứng xử của các bên trên biển Đông (COC). Sau bảy năm đàm phán, vào tháng 11/2002, Trung Quốc và ASEAN ký kết DOC - được xây dựng như một bản hướng dẫn các hành vi liên quốc gia cho đến khi các bên đạt được một thỏa thuận cuối cùng về quy tắc ứng xử chính thức. Tuy nhiên, khi nhìn vào các hành động của Trung Quốc hiện nay thì cả tinh thần cũng như quy định của DOC vẫn chưa được Trung Quốc tôn trọng và tuân thủ. Giải pháp lâu bền mà các bên cần hướng tới là việc giải quyết tranh chấp phải dựa trên luật pháp quốc tế. Các quốc gia có liên quan cần nhanh chóng thảo luận và thông qua một văn bản có tính pháp lý ràng buộc các quốc gia tuân thủ luật pháp quốc tế là Bộ quy tắc ứng xử trên biển Đông (COC).

Hai là, các quốc gia cần tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực biển để tạo ra lợi ích chung và nhằm giảm căng thẳng. Trong khi chờ đợi một sự dàn xếp toàn diện và bền vững những tranh chấp, các bên liên quan có thể tìm kiếm hoặc tiến hành các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực ít nhạy cảm như: Bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, an toàn hàng hải và thông tin trên biển, hoạt động tìm kiếm cứu hộ, đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, hoạt động buôn lậu, hải tặc và cướp có vũ trang trên biển, hoạt động buôn bán trái phép vũ khí nhằm tăng cường hợp tác giải quyết được các vấn đề quốc tế và giảm căng thẳng trong mâu thuẫn giữa các bên về các vấn đề tranh chấp biển Đông.

Ba là, cần thúc đẩy vai trò của các tổ chức trong khu vực và trên thế giới góp phần vào quá trình giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển, đảo. Sự vắng mặt của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các tổ chức trong khu vực và trên thế giới trong việc giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia trong khu vực thời gian qua đã đẩy các tranh chấp, mâu thuẫn đi vào bế tắc. Pháp luật quốc tế cần phải có một cộng đồng quốc tế thật sự thì mới có khả năng được tôn trọng và thực thi với tinh thần thiện chí, tận tâm và công bằng. Vì thế, vai trò của các tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới có sức ảnh hưởng không hề nhỏ đối với việc giải quyết tranh chấp không chỉ

là tranh chấp trên biển mà còn là mọi xung đột khác từ các quốc gia và giữa các quốc gia với nhau, đặc biệt là vai trò của Liên hợp quốc và ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề tranh chấp biển Đông giữa các quốc gia có liên quan.

Có thể thấy, cho đến nay, ngoài biện pháp ngoại giao, đàm phán, Việt Nam chưa kiện và chưa bị kiện bởi bất cứ quốc gia nào trong các tranh chấp quốc tế ở khu vực biển Đông. Tuy nhiên, trước tình hình tranh chấp biển Đông diễn ra phức tạp trong những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động triển khai nghiên cứu để tính toán và cân nhắc hợp lý các phương thức giải quyết tranh chấp thông qua cơ chế tài phán quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay, việc học hỏi kinh nghiệm của Philippines trong việc lựa chọn phương thức giải quyết thông qua Tòa trọng tài là hết sức cần thiết đối với Việt Nam. Trên cơ sở đó, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để có thể sử dụng đến các biện pháp pháp lý khi cần thiết, đảm bảo giữ vững độc lập chủ quyền trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thanh Mai, "Trọng tài và phán quyết về giải thích và áp dụng Công ước Luật Biển 1982", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 7/2016.
2. Nguyễn Hồng Thao, "Những khía cạnh pháp lý trong phán quyết của Tòa trọng tài trong vụ Philippines kiện Trung Quốc ở biển Đông", Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 7/2016.
3. TS. Nguyễn Văn Nam (2016), "Giải quyết tranh chấp ở biển đông bằng biện pháp hòa bình", đề tài khoa học cấp cơ sở.
4. Liên hợp quốc (1982), Công ước luật biển quốc tế năm 1982.
5. Bành Quốc Tuấn, "Tòa trọng tài thường trực La Haya và vấn đề giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển Đông của Việt Nam", Tạp chí phát triển KH&CN, tập 16, số Q1- 2013
6. Nguyễn Bá Diễn, "Cơ chế giải quyết tranh chấp trên biển theo Công ước Luật biển 1982", Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25 (2009) 19-26
7. TS. Nguyễn Công Trục, "Tìm hiểu vụ Philippines kiện Trung Quốc và Phán quyết của PCA", <https://vov.vn/the-gioi/ho-so/tim-hieu-vu-philippines-kien-trung-quoc-va-phan-quyet-cua-pca-531292.vov>
8. Thông cáo báo chí phán quyết PCA về biển Đông.